TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Quốc Toàn

2. Bà Lý Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Chí T, sinh năm 1987 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đào Thị T1, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 7, Ấp Hỏa Vàm A, xã Thạnh Y, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Chí T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Chí T và chị Đào Thị T1 *(Sau đây gọi tắt là anh T, chị T1)* tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009 và có đăng ký kết hôn trễ hạn

tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 06/9/2011. Vợ chồng anh T, chị T1 chung sống hạnh phúc được hơn 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi, xuất phát từ kinh tế, tiền bạc trong gia đình, mỗi người tự quản lý tiền, tiêu xài riêng, không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, chị T1 có tính ghen tuông vô cớ. Trong thời gian chung sống chị T1 luôn bất đồng ý kiến với mẹ chồng. Nhiều lần vợ chồng anh T, chị T1 hàn gắn nhưng không thành nên ly thân từ tháng 01/2022 đến nay không liên lạc nhau, chỉ có dịp tết chị T1 về thăm con 01 lần. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh T, chị T1 có 01 người con chung Trần Thùy Ngân, sinh ngày 17/3/2020 (Hiện con đang sống với anh T). Khi ly hôn anh T xin được nuôi con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh T, chị T1 không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị T được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh T trình bày: Về hôn nhân anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T1, lý do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn cự cãi. Vợ chồng anh T, chị T1 tự quản lý tiền và tiêu xài riêng, không quan tâm nhau, chị T1 không tôn trọng anh và cha mẹ bên chồng; về con anh T xin được nuôi con chung Trần Thùy Ngân, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung anh T, chị T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh T được ly hôn với chị T1; về con chung giao con chung Trần Thùy Ngân cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu; về chia tài sản chung vợ chồng anh T, chị T1

không có, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn Đào Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và chị cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[2]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân của anh T và chị T1 là hợp pháp, lý do anh T xin ly hôn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Chị T1 có tính ghen tuông vô cớ, vợ chồng chung sống không tin tưởng nhau, tiền bạc trong gia đình tự quản lý, tiêu xài riêng. Nhiều lần, vợ chồng anh T, chị T1 hàn gắn nhưng không thành nên tự ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Từ khi thụ lý vụ án đến nay đã hơn 04 tháng. Lẽ ra, cả hai phải tìm phương cách hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh, chị bỏ mặc mà quyết định sống ly thân đến nay không quan tâm nhau. Tình trạng hôn nhân của anh T, chị T1 cũng được chính quyền địa phương, UBND xã Thạnh Yên A, huyện U Minh Th xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh T kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị T1 không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh T được ly hôn với chị T1.

[3]. **Về con chung:** Anh T, chị T1 có 01 người con chung Trần Thùy Ngân, sinh ngày 17/3/2010. Tại bản tự khai ngày 22/5/2023 của cháu Ngân có nguyện vọng được sống với anh T khi cha mẹ ly hôn. Nhận thấy, hiện cháu Ngân đang sống với anh T được anh cho đi học, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng tốt và cháu đã thích nghi với môi trường sống bên anh T. Nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, thiết nghĩ HĐXX thống nhất giao cháu Ngân cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

[4]. **Về chia tài sản chung:** Anh T, chị T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. **Về án phí:** Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005912 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Trần Chí T với chị Đào Thị T1.

2. *Về con chung:* Giao con chung Trần Thùy Ngân, sinh ngày 17/3/2010 (Hiện cháu Ngân đang sống với anh Tâm) cho anh Tâm tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Thơm không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Tâm không yêu cầu.

Chị Đào Thị T1 có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. *Về chia tài sản chung:* Anh T, chị T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Anh Trần Chí T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005912 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng